

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TRÀ V**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/HSST  
Ngày: 29/9/2020

**NHÂN DẠH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ V**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thành

*Thẩm phán:* Ông Ngô Đề

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Huỳnh Văn Kiên

Ông Dương Thành Huỳnh

Bà Thạch Thị Ngọc Mai

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Bé Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà V.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà V tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Luyện, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà V, Tòa án nhân dân tỉnh Trà V tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2020/TLST - HS, ngày 04 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2020/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2020 đối với các bị cáo:

**Võ Minh T**, sinh ngày 15/5/1995 tại T; Nơi cư trú: ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh T; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn T, sinh năm 1968 và bà Nguyễn N1 Th, sinh năm 1973; có vợ: Võ Thị Diễm Tr, sinh năm 1997; con có 02 người sinh năm 2018 và năm 2020; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 10/02/2020 sau đó chuyển tạm giam cho đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

*Người bào chữa cho bị cáo Võ Minh T:* Luật sư Lâm Khắc Sinh, Văn phòng Luật sư Lâm Khắc Sinh, thuộc đoàn luật sư tỉnh Trà V bào chữa cho bị cáo theo chỉ định (có mặt)

**Nguyễn Thị N** (tên gọi khác: Hân), sinh ngày 04/5/2001 tại tỉnh T; Nơi cư trú: ấp H, xã Đ, thành phố T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo Phật; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1979 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1984; Bị cáo chưa có chồng, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân:

Tốt; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/5/2020 cho đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Người làm chứng:*

1/ Ah Nguyễn Hoài N (Q), sinh năm 1995. Nơi cư trú: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh T

2/ Ah Nguyễn Phú Tr, sinh năm 1997. Nơi cư trú: ấp V, xã T, huyện C, tỉnh T

3/ Ah Nguyễn ThAh Th (B), sinh năm 1988. Nơi cư trú: ấp H, xã M, huyện N, tỉnh T.

4/ Ah Lê Hoàng A, sinh năm 1995. Nơi cư trú: số 336, khóm R, phường T, thành phố T, tỉnh T

5/ Ah Phạm Minh K, sinh năm 1997. Nơi cư trú: ấp Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh T.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng đầu tháng 01 năm 2020 Võ Minh T và Nguyễn Thị N cùng thuê phòng 08, nhà trọ Ah T thuộc ấp P, xã L, huyện C, tỉnh T sống chung với nhau như vợ chồng.

Vào khoảng 13 giờ ngày 10/02/2020, Kiên Đức L (L K), sinh năm 1995, ngụ ấp C, xã T, huyện C, tỉnh T đưa cho Nguyễn Hoài N (Q), sinh năm 1995, ngụ ấp T, xã H, huyện C, tỉnh T một con gà tre để đi đổi lấy ma túy đá về sử dụng. Sau đó, N mang con gà đến gặp bị cáo Võ Minh T tại phòng số 08, nhà trọ Anh T thuộc ấp P, xã L, huyện C, tỉnh T đổi lấy 01 bịch ma túy đá trị giá 200.000 đồng. Khoảng 15 giờ cùng ngày, N tiếp tục điện thoại hỏi mua 01 bịch ma túy đá với giá 700.000 đồng, T đồng ý và hẹn giao ở cầu HT. Đến khoảng 16 giờ 30 phút, ngày 10 tháng 02 năm 2020, T điều khiển xe mô tô biển số: 84C1-215.77 mang ma túy đến điểm hẹn, khi đi đến đoạn thuộc khu vực ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh T thì bị bắt quả tang thu giữ gồm:

- 01 bịch nylon màu trắng được hơ kín các mặt, bên trong có chứa chất tinh thể rắn màu trắng nghi là ma túy.

- 01 bịch nylon bên trong có chứa 27 viên tinh thể rắn màu xAh hình chữ nhật nghi là chất ma túy, 02 điện thoại di động, 01 bật lửa, 01 cây kéo bằng kim loại màu trắng trong cốp xe.

Quan làm việc Võ Minh T còn tự nguyện giao nộp 01 bịch nylon bên trong có chứa 02 viên tinh thể rắn màu hồng dạng hình chữ nhật; 01 bịch nylon bên trong có chứa 04 viên tinh thể rắn màu xAh dạng hình chữ nhật; 01 bịch nylon bên trong có chứa 10 viên tinh thể rắn màu hồng không xác định hình dạng mà T cất giữ tại phòng số 08 nhà trọ Ah T thuộc ấp P, xã L, huyện C, tỉnh T.

Tại kết luận giám định số: 52/KLGD ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công An tỉnh Trà V kết luận:

- Gói niêm phong số 01, bên trong có 01 bìch nylon được niêm phong kí hiệu T1 là chất ma túy Methamphetamine có khối lượng 0,4847 gam.

- Gói niêm phong số 02, bên trong có chứa 03 bìch nylon được niêm phong kí hiệu T2 là chất ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 13,6210 gam.

- Gói niêm phong số 03, gồm 27 viên nén màu xAh chứa trong 01 bìch nylon được niêm phong kí hiệu T3 là chất ma túy loại Amphetamine, MDMA có tổng khối lượng 10,7312 gam.

- Gói niêm phong số 04 gồm:

- + 02 (hai) viên nén màu hồng kí hiệu T4.1, chứa trong 01 bìch nylon có kí hiệu T4 là chất ma túy loại Ketamine, tổng khối lượng 0,8486 gam.

- + 04 (bốn) viên nén màu xAh được niêm phong kí hiệu T4.2 chứa trong bìch nylon được niêm phong có kí hiệu T4 là chất ma túy loại Amphetamine, MDMA có tổng khối lượng 1,5725 gam.

- + 10 (mười) viên nén màu hồng được niêm phong kí hiệu T4.3 chứa trong bìch nylon được niêm phong có kí hiệu T4 là chất ma túy loại Methamphetamine, MDMA có tổng khối lượng 3,8668 gam.

Tổng khối lượng ma túy là: 31,1248 gam.

Quan điều tra Võ Minh T khai nhận 41 viên thuốc lắc là của bị cáo mua của một người tên N1 ở T (không rõ cụ thể ở đâu) vào ngày 09/02/2020 tại phía sau quán Hương thuộc phường U, TP T với giá 270.000đ/viên, số ma túy đã còn lại bị cáo mua của một người không rõ địa chỉ TP.Hồ Chí Minh nhằm bán lại cho người khác, việc T mua ma túy thì N không biết. Trong thời gian sống chung, T có bán ma túy nhiều lần cho Nhiều người khác và nhờ Nguyễn Thị N đi giao ma túy, cụ thể như sau:

1/ Nguyễn Phú Tr, sinh năm 1997, nơi cư trú ấp V, xã T, huyện C, tỉnh T

Vào ngày 08/02/2020 Tr đưa cho Nguyễn Hoài N 09 ông thủy tinh (dùng làm nỏ sử dụng ma túy) để đi đổi lấy ma túy về cùng sử dụng. Sau đó, N mang 09 ông thủy tinh đến phòng trọ gặp bị cáo T đổi lấy 01 bìch ma túy đã tương đương với giá 200.000 đồng.

Ngoài ra trước tết nguyên đán năm 2020, N và Tr hùn tiền mua ma túy loại hàng đá về sử dụng. N là người trực tiếp đến phòng số 08, nhà trọ Ah T thuộc ấp P, xã L, huyện C, tỉnh T gặp T mua 02 lần, mỗi lần 01 bìch ma túy đá giá 500.000 đồng.

2/ Nguyễn ThAh Th, sinh năm:1988, tên thường gọi: B, Nơi cư trú: Ấp H, xã M, huyện N, tỉnh T.

- Lần thứ nhất: Vào khoảng 01giờ, ngày 06/02/2020, Th điện thoại hỏi mua ma túy thì T đồng ý và kêu đến phòng trọ bán cho Th 01 bìch ma túy đá giá 1.000.000 đồng.

- Lần thứ hai: Khoảng 10 giờ ngày 10/02/2020, Th điện thoại hỏi mua ma túy thì T đồng ý và kêu đến phòng trọ bán cho Th 01 bạch ma túy đá giá 1.000.000 đồng.

3/ Lê Hoàng A, sinh năm: 1995 Nơi cư trú: số 336, khóm R, phường T, TP T, tỉnh T.

Vào khoảng 21giờ, ngày 08/02/2020, thông quan mạng Zalo A hỏi mua ma túy thì T đồng ý và hẹn gặp tại khu vực cầu HT thuộc ấp T, xã L, huyện T, tỉnh T. Tại đây T bán cho A 01 bạch ma túy đá với giá 300.000 đồng.

4/ Phạm Minh K, sinh năm:1997, nơi cư trú ấp Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh T;

- Lần thứ nhất: Vào ngày 09/02/2020, T kêu N điện thoại cho K là quản lý quán karaoke Lưu Luyện ở phường T, thành phố T để hỏi K có mua ma túy, loại thuốc lắc không. Sau đó, N điện thoại liên lạc và K đồng ý mua 10 viên thuốc lắc giá 2.700.000 đồng nên T đưa cho N 10 viên thuốc lắc để đi bán cho K.

Đến khoảng 17h cùng ngày 09/02/2020, bị cáo N trực tiếp đến cuối đường Trần Phú giáp đường Võ Nguyên Giáp thuộc khóm V, phường T, TP T gặp và giao ma túy cho K nhưng không có lấy tiền. Đến khoảng 10 giờ ngày 10/02/2020, bị cáo T đến nhà trọ Phương Thảo 2, thuộc Khóm V, phường T, TP T, tỉnh T gặp K lấy đủ số tiền 2.700.000 đồng.

- Lần thứ hai: Vào buổi tối không rõ giờ ngày 06/02/2020, N và K đang ở Quán Hương thuộc phường t, TP.T thì K điện thoại cho N hỏi mua 02 viên thuốc lắc nên N điện thoại cho T mang 02 viên thuốc lắc đến cổng sau đến quán Hương, N ra lấy giao lại cho K và lấy tiền 600.000 đồng ra đưa cho T.

5/ Trần Thị Cẩm Ph, sinh năm 1998, nơi cư trú ấp B, xã L, huyện C, tỉnh T.

Vào khoảng 18 giờ ngày 06/02/2020, Ph điện thoại cho bị cáo T hỏi mua thuốc lắc với giá 250.000đ/viên thì T đồng ý mang 06 viên thuốc lắc đến cửa sau quán Hương ở Phường T, TP T trực tiếp giao cho Ph nhưng không có lấy tiền. Đến khoảng 17 giờ ngày 07/02/2020 T hẹn gặp Ph dưới dốc cầu Long Bình 2 để lấy tiền mua ma túy là 1.500.000 đồng.

6/ Một người tên V khoảng 21 tuổi không rõ địa chỉ.

Bị cáo T khai nhận vào khoảng 15h30 phút ngày 10/02/2020, V điện thoại cho N hỏi mua ma túy (thuốc lắc) thì N hỏi T còn ma túy không. Lúc này bị cáo T lấy viên thuốc lắc ra kêu bị cáo N chụp hình rồi gửi quan cho V xem và V đồng ý mua. Sau đó, T đến sân bóng đá Duy Khổng thuộc ấp T, xã H, huyện T, tỉnh T bán cho V 01 viên thuốc lắc với giá 300.000 đồng.

7/ Một người nữ tên X khoảng 19 tuổi nhà ở L không rõ cụ thể.

Bị cáo T khai nhận cách ngày bị bắt khoảng 05 ngày, X có điện thoại hỏi mua 02 viên thuốc lắc và hẹn giao ở quán Hương thì T đồng ý. Sau đó, bị cáo T mang 02 viên thuốc lắc gói lại trong bọc nhựa mang đến quán Hương rồi điện

thoại cho N ra lấy đem vào quán giao cho X nhưng không có lấy tiền mà trừ nợ trước đó T mượn của X 600.000 đồng.

\* Quá trình điều tra vụ án đã thu giữ các chất ma túy đã tiến hành giám định, được niêm phong hoàn trả mẫu vật và một số tang vật khác liên quan sau:

- 04 (bốn) bao thư niêm phong mẫu vật hoàn trả số: 52/MT1, 52/MT2, 52/MT3, 52/MT4 có chữ ký của Nguyễn Văn M và Thạch Xuân H có dấu mộc đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công An tỉnh Trà V là ma túy.

- 01 (một) hộp kim loại màu đỏ hình tròn có nắp đậy, phía trên nắp có dòng chữ SKITTLES; 01 (một) bật lửa bên ngoài có dán keo màu xanh đen có dòng chữ Royce đã quan sử dụng; 01 (một) cây kéo bằng kim loại màu trắng đã qua sử dụng; 01 (một) bộ dụng cụ bằng thủy tinh, tất cả dùng đựng và để sử dụng trái phép chất ma túy

- 01 (một) cân tiểu li màu xám, trên cân có ghi dòng chữ Item NO:P138 Digital Scale 200gx0.01g 1\*CR2032 Battery đã quan sử dụng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung màu vàng đồng đã qua sử bị cáo sử dụng vào việc mua bán ma túy và Tiền Việt Nam 3.028.000 đồng là tiền bị cáo bán ma túy mà có;

- 01 (một) xe mô tô biển số 84C1 – 215.77, nhãn hiệu HONDA, số loại VISION, màu sơn đỏ, dung tích 150, số khung 5804EY167426, số máy JF58E0167497; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 082413, biển kiểm soát 84C1 – 215.77, tên chủ xe là Nguyễn Thị N, địa chỉ P, xã L, Thành phố T và một số tang vật khác liên quan.

#### **\* Về xử lý vật chứng:**

Ngày 17/7/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả 01 (một) xe mô tô biển số 84C1 – 215.77, nhãn hiệu HONDA, số loại VISION và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 082413, biển kiểm soát 84C1 – 215.77 cho gia đình bị cáo Nguyễn Thị N là ông Nguyễn Văn T (là cha ruột của bị cáo Nguyễn Thị N) quản lý.

Đối với Nguyễn Phú Tr, Nguyễn Hoài N, Lê Hoàng A, Phạm Minh K thừa nhận có mua ma túy của bị cáo T về sử dụng trước đó, tuy nhiên đến thời điểm Cơ quan điều tra triệu tập làm việc thì họ đã ngưng sử dụng ma túy nên quan kiểm tra bằng Test thử nhanh ma túy cho kết quả âm tính. Do đó Cơ quan điều tra không đủ căn cứ đề nghị Công an địa phương nơi họ cư trú xử lý hành chính về hành vi này mà ra thông báo về địa phương nơi họ cư trú tiếp tục quản lý.

Đối với Nguyễn Thanh Th có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nên Cơ quan điều tra đã đề nghị Công an xã M, huyện N xử lý hành chính về hành vi này.

Đối với Trần Thị Cẩm Ph hiện bỏ địa phương đi làm tiếp viên nhiều nơi không xác định được ở đâu nên Cơ quan điều tra không mời làm việc được; Đối với người tên V, tên X, tên N1 do không rõ lai lịch, địa chỉ cụ thể nên Cơ quan

điều tra Công an tỉnh Trà Vinh không đủ cơ sở để xác minh mời làm việc được khi nào xác minh mời làm việc được sẽ đề nghị xử lý sau.

Đối với Huỳnh Tuấn E, sinh năm 1989, nơi cư trú số N, ấp P, xã L, huyện C, tỉnh T là chủ nhà trọ Ah T không biết Võ Minh T sử dụng và mua bán trái phép chất ma túy tại phòng trọ nên không đặt vấn đề xử lý.

Tại bản cáo trạng số: 20/CT-VKS-P1 ngày 03/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà V đã quyết định truy tố bị cáo Võ Minh T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, khung hình phạt tù từ 15 năm đến 20 năm và truy tố bị cáo Nguyễn Thị N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, khung hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Võ Minh T và Nguyễn Thị N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo và thừa nhận bản cáo trạng mô tả và truy tố các bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là đúng với hành vi của các bị cáo thực hiện, các bị cáo không bổ sung tài liệu, chứng cứ gì mới tại phiên tòa hôm nay.

*Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh:* Sau khi phân tích các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa hôm nay cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo. Vị kiểm sát viên quyết định giữ nguyên nội dung bản cáo trạng truy tố các bị cáo phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Đề nghị Hội xét xử áp dụng điểm h khoản 3 Điều 251; điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Võ Minh T từ 16 năm đến 17 năm tù; áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N từ 04 năm đến 05 năm tù.

Ngoài ra Vị kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử xử lý tiền thu lợi bất chính, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo cho các bị cáo.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Võ Minh T cho rằng: Vị hoàn toàn thống nhất với nội dung Bản cáo trạng và quan điểm luận tội của Vị kiểm sát viên về truy tố các bị cáo về tội danh và khung hình phạt. Tuy nhiên, sau khi bị cáo T bị bắt, bị cáo có thiện chí hợp tác với Cơ quan Điều tra, thành khẩn khai báo và tự thú khai ra Nhiều lần phạm tội trước đó chưa bị phát hiện, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo có 02 con còn nhỏ sinh năm 2018 và năm 2020. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T sớm chấp hành án về lo cho gia đình và sớm tái hòa nhập vào cộng đồng.

Các bị cáo không tham gia tranh luận.

Lời nói cuối cùng của bị cáo Võ Minh T: Mong Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và bị cáo N.

Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Thị N: Mong Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và bị cáo T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tra soát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội: Vào khoảng 16 giờ 30 phút, ngày 10/02/2020 bị cáo Võ Minh T đang trên đường đi giao ma túy cho Nguyễn Hòa N tại ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh T thì bị công an huyện C, tỉnh T kiểm tra và bắt quả tang. Ngoài lần bị bắt quả tang, trong khoảng thời gian từ trước tết nguyên đán năm 2020 đến ngày 10/02/2020, bị cáo T còn khai đã bán ma túy cho Nguyễn Hoài N 04 lần, Nguyễn Thanh Th 02 lần, Lê Hoài A 01 lần, Phạm Minh K 02 lần, Trần Thị Cẩm Ph 01 lần, người tên V (không rõ địa chỉ) 01 lần, người tên X (không rõ địa chỉ) 01 lần với giá từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng/bịch ma túy đá, từ 250.000 đồng đến 300.000 đồng/viên nén (thuốc lắc). Tổng cộng 12 lần, trong đó Nguyễn Thị N tham gia giới thiệu và đi giao ma túy cho bị cáo 04 lần. Bị cáo N thừa nhận có giới thiệu bán ma túy và trực tiếp đi giao ma túy giúp cho bị cáo T tổng cộng 4 lần như bị cáo T khai. Tại kết luận giám định số: 52/KLGD ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà V kết luận số ma túy thu giữ của ngày bắt quả tang bị cáo T thu giữ: tổng khối lượng ma túy là: 31,1248 gam gồm các chất ma túy loại: Methamphetamine; Amphetamine; MDMA, Ketamine. Do đó, có cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Võ Minh T đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 3 Điều 251 Bộ luật hình sự có khung hình phạt tù từ 15 năm đến 20 năm và hành vi của bị cáo Nguyễn Thị N đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự có khung hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà V truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật về khung hình phạt và tội danh.

[2] Xét tính chất của vụ án là đặc biệt nghiêm trọng; hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo đều nhận thức được chất ma túy là chất gây nghiện làm suy kiệt sức khỏe và là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác gây nên bệnh tật, ảnh hưởng lớn đến duy trì giống nòi do đó Nhà nước mới độc quyền quản lý, bất cứ ai, người nào mua bán đều là hành vi vi phạm pháp luật. Bản thân các bị cáo là người có đầy đủ năng lực, nhận thức được hành vi của mình và biết rất rõ điều đó nhưng do lười lao động nên đã bất chấp pháp luật thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy, khi thực hiện hành vi các bị cáo bán nhiều lần cho nhiều người và nhiều loại ma túy nên cần phải xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cho các bị cáo, Hội đồng xét xử cũng cần phân tích, đánh giá, xem xét vai trò của từng bị cáo khi thực hiện hành vi

phạm tội, cũng như áp dụng đúng và đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ để xem xét toàn diện, đánh giá khách quan cho từng bị cáo như:

Đối với bị cáo Nguyễn Minh T: Bị cáo mặc dù có vợ con nhưng bản thân không lo làm ăn sống lêu lổng, lười lao động là đối tượng nghiện và bỏ vợ, con chung sống như vợ chồng với bị cáo N và là người trực tiếp nhiều lần thực hiện hành vi mua ma túy về bán cho nhiều đối tượng nghiện với nhiều chất ma túy khác nhau, chỉ tính lượng ma túy trong lần bị bắt quả tang cơ quan Điều tra thu giữ nhiều địa điểm khác nhau với nhiều loại ma túy, tổng khối lượng 31,1248 gam. Đồng thời, bị cáo là người lôi kéo bị cáo Nguyễn Thị N tham gia vào thực hiện hành vi phạm tội với vai trò giúp sức cho bị cáo mua bán ma túy đây là bị cáo đóng vai trò chính trong vụ án. Về tình tiết tăng nặng bị cáo T nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội, do đó bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Về tình tiết giảm nhẹ trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo tự thú khai ra những lần mua bán trái phép chất ma túy trước đó chưa bị phát hiện, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo có nhân thân tốt, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị N có hành vi 04 lần mua bán trái phép chất ma túy cho nhiều đối tượng với vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo Võ Minh T bằng cách gợi ý bán và trực tiếp đi giao ma túy và trong vụ án này bị cáo không được hưởng lợi gì từ việc giúp sức bán ma túy. Bản thân không có tình tiết tăng nặng và có các tình tiết giảm nhẹ như: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo tự thú khai ra những lần mua bán trái phép chất ma túy chưa bị phát hiện, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo có nhân thân tốt; gia đình bị cáo có 03 người có công cách mạng được Nhà nước công nhận, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét thấy bị cáo N có 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, trong vụ án này bị cáo đóng vai trò giúp sức không hưởng bất cứ lợi ích vật chất gì, đối chiếu với quy định của pháp luật thì bị cáo có đủ điều kiện áp dụng quy định của pháp luật để xét xử bị cáo thấp hơn khung hình phạt bị truy tố xét xử, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để áp dụng hình phạt đối với bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt nhằm tạo điều kiện cho bị cáo cải sửa bản thân sớm trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, của người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, thấy rằng các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, của người bào chữa đều đúng với quy định của pháp luật, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tố tụng, của người bào chữa đều hợp pháp.

[3] Về vật chứng:

- 04 (bốn) bao thư niêm phong mẫu vật hoàn trả số: 52/MT1, 52/MT2, 52/MT3, 52/MT4 có chữ ký của Nguyễn Văn M và Thạch Xuân H có dấu mộc đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà V là ma túy không còn giá trị sử dụng, nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) hộp kim loại màu đỏ hình tròn có nắp đậy, phía trên nắp có dòng chữ SKITTLES; 01 (một) bậc lửa bên ngoài có dán keo màu xanh đen có dòng chữ Royce đã quan sử dụng; 01 (một) cây kéo bằng kim loại màu trắng đã quan sử dụng; 01 (một) bộ dụng cụ bằng thủy tinh, tất cả dùng đựng và để sử dụng trái phép chất ma túy không còn giá trị sử dụng, nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) cân tiểu li màu xám, trên cân có ghi dòng chữ Item NO:P138 Digital Scale 200gx0.01g 1\*CR2032 Battery đã quan sử dụng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen đã quan sử dụng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung màu vàng đồng đã quan sử bị cáo sử dụng vào việc mua bán ma túy và Tiền Việt Nam 3.028.000 đồng là tiền bị cáo bán ma túy mà có, nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Về số tiền thu lợi bất chính: Trong quá trình điều tra chứng minh bị cáo T đã thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép chất ma túy với số tiền 9.200.000đ (Chín triệu hai trăm nghìn đồng), nhưng khi bị bắt quả tang Cơ quan điều tra đã thu giữ số tiền thu lợi bất chính từ bị cáo là 3.028.000đồng, do đó bị cáo phải tiếp tục nộp số tiền thu lợi bất chính là 6.172.000đ (Sáu triệu một trăm bảy mươi hai nghìn đồng) tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[4] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Võ Minh T có phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

[6] Về án phí: Các bị cáo không thuộc trường hợp được miễn, giảm án phí theo quy định tại Điều 12, Điều 13 Nghị quyết 326/2016/NQ - UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy bA Thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Võ Minh T và Nguyễn Thị N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 268, Điều 269 và Điều 299 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố bị cáo Võ Minh T và bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”

Căn cứ: điểm h khoản 3 Điều 251; điểm s, r khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Võ Minh T 16 (mười sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/02/2020.

Căn cứ: điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s, r khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 05 (năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/5/2020

Về tang vật: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự tịch thu tiêu hủy gồm:

- 04 (bốn) bao thư niêm phong mẫu vật hoàn trả số: 52/MT1, 52/MT2, 52/MT3, 52/MT4 có chữ ký của Nguyễn Văn M và Thạch Xuân H có dấu mộc đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh là ma túy

- 01 (một) hộp kim loại màu đỏ hình tròn có nắp đậy, phía trên nắp có dòng chữ SKITTLES; 01 (một) bậc lửa bên ngoài có dán keo màu xanh đen có dòng chữ Royce đã quan sử dụng; 01 (một) cây kéo bằng kim loại màu trắng đã quan sử dụng; 01 (một) bộ dụng cụ bằng thủy tinh.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước gồm: 01 (một) cân tiểu li màu xám, trên cân có ghi dòng chữ Item NO:P138 Digital Scale 200gx0.01g 1\*CR2032 Battery đã quan sử dụng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen đã quan sử dụng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung màu vàng đồng đã quan sử bị cáo sử dụng và Tiền Việt Nam 3.028.000 đồng.

Buộc bị cáo Võ Minh T nộp 6.172.000đ (Sáu triệu một trăm bảy mươi hai nghìn đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy bA thường vụ Quốc Hội.

Buộc bị cáo Võ Minh T và bị cáo Nguyễn Thị N mỗi bị cáo chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho các bị cáo có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày án sơ thẩm đã tuyên./.

**Nơi nhận:**

- TADCC;
- VKSNDCC;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- Phòng hồ sơ - CA tỉnh Trà Vinh;
- TTG - CA tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- CA huyện C;
- Các bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

*(đã ký và đóng dấu)*

**Nguyễn Văn Thành**

